

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển đại học
hệ vừa làm vừa học ngành Luật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ vào Quyết định số: 1901/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Khoa học trực thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ vào Quyết định số 62/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tuyển sinh đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ vào Công văn số 1422/ĐHTN - ĐT ngày 30 tháng 09 năm 2014 của Đại học Thái Nguyên về việc cho phép mở lớp đại học hệ vừa làm vừa học ngành Luật học tại trường Đại học Khoa học;

Căn cứ Công văn số 1879/ĐHTN-ĐT ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Đại học Thái Nguyên về việc phê duyệt phương án điểm chuẩn và danh sách thí sinh trúng tuyển đại học hệ vừa làm vừa học ngành Luật tại trường Đại học Khoa học;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 181 thí sinh trúng tuyển vào học đại học hệ vừa làm vừa học ngành Luật tại trường Đại học Khoa học (*danh sách thí sinh trúng tuyển kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2,
- Lưu: ĐT, VT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nông Quốc Chính

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NGÀNH LUẬT
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 791/QĐ-ĐHKH ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng U.T	Khu vực U.T	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Ghi chú
1	DTZ.001	Lý Văn An	24.11.1983	Nam	Hà Giang	01	1	5.75	7.50	6.25	19.50	
2	DTZ.002	Nguyễn Tuấn Anh	19.02.1980	Nam	Hà Giang		1	4.75	5.50	5.75	16.00	
3	DTZ.003	Mai Thị Kiều Anh	07.05.1990	Nữ	Hà Giang	01	1	5.50	4.50	6.00	16.00	
4	DTZ.004	Mai Minh Ba	03.03.1990	Nam	Hà Giang	01	1	4.75	4.00	4.50	13.50	
5	DTZ.005	Hoàng Thị Bài	25.11.1989	Nữ	Hà Giang	01	1	5.00	7.00	6.25	18.50	
6	DTZ.006	Hoàng Văn Bản	20.10.1991	Nam	Hà Giang	01	1	5.00	7.00	5.50	17.50	
7	DTZ.007	Nguyễn Văn Bảo	09.12.1985	Nam	Hà Giang	01	1	3.00	6.50	6.00	15.50	
8	DTZ.009	Thần Văn Bình	13.12.1970	Nam	Hà Giang	01	1	2.25	4.00	5.50	12.00	
9	DTZ.010	Nguyễn Đức Bình	27.12.1994	Nam	Hà Giang	01	1	4.25	5.00	6.00	15.50	
10	DTZ.011	Hoàng Văn Bình	10.06.1995	Nam	Hà Giang	01	1	2.75	5.50	4.50	13.00	
11	DTZ.012	Nguyễn Thị Bùi	11.11.1986	Nữ	Hà Giang	01	1	4.50	6.50	5.00	16.00	
12	DTZ.013	Hoàng Văn Cách	12.01.1987	Nam	Hà Giang	01	1	4.75	7.50	5.00	17.50	
13	DTZ.014	Hà Phúc Cảnh	14.10.1989	Nam	Hà Giang	01	1	5.00	4.50	6.50	16.00	
14	DTZ.028	Lưu Mạnh Cường	04.04.1984	Nam	Hà Giang		1	5.50	5.00	5.75	16.50	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng UT	Khu vực UT	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Ghi chú
15	DTZ.029	Hoàng Cao	Cường	12.01.1972	Nam	Hà Giang	01	1	4.50	4.50	5.75	15.00	
16	DTZ.026	Ma Văn	Cường	14.03.1977	Nam	Hà Giang	01	1	2.75	5.50	5.75	14.00	
17	DTZ.027	Hoàng	Cường	19.02.1995	Nam	Hà Giang	01	1	2.75	4.50	5.25	12.50	
18	DTZ.203	Nông Quang	Chắt	19.01.1979	Nam	Hà Giang	01	1	3.50	6.50	6.50	16.50	
19	DTZ.015	Hoàng Văn	Che	12.04.1989	Nam	Hà Giang	01	1	5.50	5.00	5.75	16.50	
20	DTZ.016	Mai Thị	Chi	20.05.1988	Nữ	Hà Giang	01	1	4.25	7.00	4.75	16.00	
21	DTZ.017	Hoàng Mạnh	Chí	01.08.1989	Nam	Hà Giang	01	1	4.50	6.50	5.50	16.50	
22	DTZ.211	Hà Văn	Chiến	24.07.1986	Nam	Hà Giang	01	1	3.00	6.00	5.75	15.00	
23	DTZ.019	Triệu Mùi	Chiều	12.10.1984	Nữ	Hà Giang	01	1	4.50	7.00	5.50	17.00	
24	DTZ.212	Tô Thị	Chinh	06.08.1984	Nữ	Hà Giang		1	2.75	6.00	7.50	16.50	
25	DTZ.021	Hoàng Văn	Chúc	17.01.1984	Nam	Hà Giang	01	1	4.75	8.00	6.25	19.00	
26	DTZ.024	Hứa Thị	Chuyên	26.04.1992	Nữ	Hà Giang	01	1	5.25	6.50	7.25	19.00	
27	DTZ.023	Lừu Văn	Chương	21.11.1986	Nam	Hà Giang	01	1	5.50	6.00	7.25	19.00	
28	DTZ.022	Nguyễn Ngọc	Chương	14.03.1988	Nam	Hà Giang	01	1	3.50	4.50	4.50	12.50	
29	DTZ.032	Lý Sinh	Dân	06.12.1982	Nam	Hà Giang	01	1	4.50	5.50	5.75	16.00	
30	DTZ.035	Hoàng Văn	Diễn	26.09.1983	Nam	Hà Giang	01	1	5.75	6.50	6.50	19.00	
31	DTZ.036	Nguyễn Tất	Diện	01.01.1988	Nam	Hà Giang	01	1	3.25	7.50	5.50	16.50	
32	DTZ.037	Lâm Thị	Diệp	24.11.1987	Nữ	Hà Giang	01	1	3.75	6.50	3.00	13.50	
33	DTZ.042	Hoàng Văn	Dong	07.09.1984	Nam	Hà Giang	01	1	3.75	5.50	6.50	16.00	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng UT	Khu vực UT	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Ghi chú
34	DTZ.041	Hoàng Văn Đom	18.09.1967	Nam	Hà Giang	01	1	3.75	5.00	6.00	15.00	
35	DTZ.045	Hoàng Thị Dục	01.11.1990	Nữ	Hà Giang	01	1	2.50	5.00	6.00	13.50	
36	DTZ.047	Hoàng Thùy Dung	14.07.1995	Nữ	Hà Giang	01	1	4.25	4.50	6.75	15.50	
37	DTZ.048	Đỗ Quý Dũng	10.12.1986	Nam	Hà Giang	06	1	4.25	6.00	7.00	17.50	
38	DTZ.049	Lý Ngọc Dũng	25.02.1980	Nam	Hà Giang	01	1	1.75	5.00	5.75	12.50	
39	DTZ.043	Hoàng Thị Dưa	25.11.1979	Nữ	Hà Giang	01	1	3.00	5.50	5.00	13.50	
40	DTZ.050	Mai Trọng Được	31.10.1984	Nam	Hà Giang	01	1	2.75	4.50	6.50	14.00	
41	DTZ.031	Đặng Hà Đại	15.08.1995	Nam	Hà Giang	01	1	5.00	7.00	6.00	18.00	
42	DTZ.030	Nguyễn Văn Đại	16.11.1982	Nam	Hà Giang	01	1	4.50	6.00	6.00	16.50	
43	DTZ.033	Tận Thị Đào	12.12.1994	Nữ	Hà Giang	01	1	4.25	5.00	4.50	14.00	
44	DTZ.034	Hoàng Quốc Đạo	05.05.1983	Nam	Hà Giang	01	1	1.75	7.00	7.25	16.00	
45	DTZ.038	Hoàng Văn Điệp	08.12.1985	Nam	Hà Giang	01	1	3.25	3.50	5.50	12.50	
46	DTZ.040	Lục Thị Đôi	18.09.1989	Nữ	Hà Giang	01	1	4.50	6.00	5.25	16.00	
47	DTZ.039	Dương Thị Đờ	07.07.1979	Nữ	Hà Giang	01	1	3.75	5.50	4.75	14.00	
48	DTZ.052	Nguyễn Thị Gân	02.01.1983	Nữ	Hà Giang		1	5.00	8.00	6.75	20.00	
49	DTZ.053	Triệu Mùi Ghén	12.03.1988	Nữ	Hà Giang	01	1	4.00	6.50	5.50	16.00	
50	DTZ.056	Vũ Việt Hà	10.07.1992	Nam	Hà Giang		1	5.50	5.00	6.00	16.50	
51	DTZ.055	La Văn Hà	06.08.1984	Nam	Hà Giang	01	1	4.00	6.50	4.50	15.00	
52	DTZ.059	Hoàng Thị Hằng	03.05.1989	Nữ	Hà Giang	01	1	2.00	6.50	5.50	14.00	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng UT	Khu vực UT	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Ghi chú
53	DTZ.058	Mường Thị Hằng	16.11.1983	Nữ	Hà Giang	01	1	3.75	4.50	4.50	13.00	
54	DTZ.060	Đỗ Văn Hậu	05.10.1984	Nam	Hà Giang	01	1	3.50	7.00	8.00	18.50	
55	DTZ.061	Lừ Văn Hiền	13.10.1981	Nam	Hà Giang	01	1	3.00	6.00	7.25	16.50	
56	DTZ.063	Lò Văn Hin	22.06.1989	Nam	Hà Giang	01	1	3.50	6.50	5.50	15.50	
57	DTZ.064	Lò Văn Họ	29.04.1986	Nam	Hà Giang	01	1	4.25	7.00	5.00	16.50	
58	DTZ.065	Hoàng Thị Hoa	09.10.1984	Nữ	Hà Giang		1	4.50	7.00	5.50	17.00	
59	DTZ.066	Sầm Thị Hoàn	25.01.1984	Nữ	Hà Giang	01	1	4.25	5.50	4.50	14.50	
60	DTZ.067	Hoàng Văn Hoàn	05.11.1983	Nam	Hà Giang	01	1	4.50	4.00	4.00	12.50	
61	DTZ.068	Phạm Ngọc Hoàng	02.08.1990	Nam	Hà Giang		1	5.00	4.00	5.50	14.50	
62	DTZ.069	Hoàng Văn Hội	11.06.1985	Nam	Hà Giang	01	1	4.75	4.50	5.00	14.50	
63	DTZ.070	Nông Văn Hội	22.02.1995	Nam	Hà Giang	01	1	4.50	5.00	5.00	14.50	
64	DTZ.071	Hoàng Văn Hồng	25.03.1976	Nam	Hà Giang	01	1	2.25	6.50	7.00	16.00	
65	DTZ.072	Đồng Thanh Huế	22.11.1983	Nữ	Hà Giang	01	1	5.00	7.00	4.50	16.50	
66	DTZ.073	Lù Văn Huệ	02.11.1989	Nam	Hà Giang	01	1	2.50	5.50	5.00	13.00	
67	DTZ.075	Đinh Văn Hùng	12.08.1983	Nam	Hà Giang	01	1	3.75	5.50	4.50	14.00	
68	DTZ.074	Lò Kim Hùng	19.06.1988	Nam	Hà Giang	01	1	2.00	7.00	4.50	13.50	
69	DTZ.078	Hoàng Thị Huyền	25.08.1988	Nữ	Hà Giang	01	1	4.25	6.50	6.00	17.00	
70	DTZ.080	Hoàng Thị Huyền	03.05.1986	Nữ	Hà Giang	01	1	3.00	6.00	3.50	12.50	
71	DTZ.076	Đặng Minh Hữu	17.10.1990	Nam	Hà Giang		1	4.25	5.50	3.50	13.50	



STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng UT	Khu vực UT	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Ghi chú
72	DTZ.084	Lương Thị	Kiểm	16.03.1985	Nữ	Hà Giang	01	1	4.00	5.50	5.50	15.00	
73	DTZ.081	Mai Quốc	Khánh	03.02.1985	Nam	Hà Giang	01	1	4.25	6.50	5.75	16.50	
74	DTZ.082	Phản Trần	Khánh	13.11.1995	Nam	Hà Giang	01	1	2.50	5.00	5.00	12.50	
75	DTZ.083	Nguyễn Đình	Khiếu	29.01.1981	Nam	Hà Giang	01	1	3.00	5.00	5.00	13.00	
76	DTZ.085	Vương Tiến	Lâm	22.10.1975	Nam	Hà Giang	01	1	2.00	4.00	5.25	11.50	
77	DTZ.087	Nguyễn Ngọc	Lân	15.01.1984	Nam	Hà Giang	01	1	3.75	7.00	5.25	16.00	
78	DTZ.088	Hoàng Văn	Lập	01.05.1988	Nam	Hà Giang	06	1	1.75	6.00	5.00	13.00	
79	DTZ.090	Nguyễn Thị	Liên	17.11.1986	Nữ	Hà Giang	01	1	2.25	4.50	5.25	12.00	
80	DTZ.091	Vàng Sảo	Lìn	17.11.1983	Nam	Hà Giang	01	1	1.50	5.50	5.25	12.50	
81	DTZ.102	Lý Seo	Lìu	15.05.1989	Nam	Hà Giang	01	1	3.25	6.50	5.50	15.50	
82	DTZ.095	Phan Thanh	Long	04.01.1991	Nam	Hà Giang	01	1	5.00	8.00	5.75	19.00	
83	DTZ.094	Đỗ Đức	Long	24.04.1979	Nam	Hà Giang		1	3.50	7.50	5.75	17.00	
84	DTZ.096	Giàng Văn	Long	15.05.1990	Nam	Hà Giang	01	1	4.00	5.50	5.75	15.50	
85	DTZ.093	Hoàng Văn	Lộc	23.09.1989	Nam	Hà Giang	01	1	2.75	7.50	6.00	16.50	
86	DTZ.092	Ma Văn	Lơ	07.09.1990	Nam	Hà Giang	01	1	3.50	8.00	5.50	17.00	
87	DTZ.098	La Văn	Luân	10.04.1989	Nam	Hà Giang	01	1	3.25	7.50	6.00	17.00	
88	DTZ.099	Lộc Văn	Lượng	14.07.1991	Nam	Hà Giang	01	1	2.00	4.00	5.50	11.50	
89	DTZ.100	Nguyễn Thị	Lưu	09.09.1986	Nữ	Hà Giang	01	1	2.75	7.50	6.75	17.00	
90	DTZ.101	Hoàng Văn	Lưu	15.04.1991	Nam	Hà Giang	01	1	4.75	5.00	3.25	13.00	

✓

10/10/2019

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng UT	Khu vực UT	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Ghi chú
91	DTZ.103	Hoàng Thanh Mạc	02.04.1995	Nam	Hà Giang	01	1	4.00	6.00	8.50	18.50	
92	DTZ.210	Vũ Đức Mạnh	03.10.1991	Nam	Hà Giang		1	3.00	7.00	6.50	16.50	
93	DTZ.104	Hoàng Thị Mắm	28.09.1989	Nữ	Hà Giang	01	1	3.00	6.50	6.25	16.00	
94	DTZ.106	Long Chính Nam	25.02.1979	Nam	Hà Giang	01	1	3.00	7.50	6.25	17.00	
95	DTZ.107	Lù Quang Nam	20.06.1971	Nam	Hà Giang	01	1	2.50	7.00	6.25	16.00	
96	DTZ.108	Vi Quốc Nam	22.10.1973	Nam	Hà Giang	01	1	3.00	5.50	6.50	15.00	
97	DTZ.109	Vàng Văn Nam	10.10.1970	Nam	Hà Giang	01	1	2.25	5.50	5.50	13.50	
98	DTZ.110	Vàng Văn Nam	20.11.1979	Nam	Hà Giang	01	1	2.75	3.50	5.50	12.00	
99	DTZ.115	Lèng Thị Niệm	14.11.1986	Nữ	Hà Giang	01	1	2.00	6.00	5.25	13.50	
100	DTZ.116	Lù Văn Nùng	06.01.1985	Nam	Hà Giang	01	1	3.25	6.00	6.00	15.50	
101	DTZ.117	Hoàng Thị Nương	02.06.1988	Nữ	Hà Giang	01	1	3.25	7.50	6.00	17.00	
102	DTZ.111	Hoàng Thị Nga	22.09.1984	Nữ	Hà Giang	01	1	3.00	6.50	5.75	15.50	
103	DTZ.112	Vi Quang Nghị	14.01.1983	Nam	Hà Giang	01	1	2.25	5.50	5.50	13.50	
104	DTZ.114	Hoàng Văn Nhận	29.02.1984	Nam	Hà Giang	01	1	2.50	7.50	6.25	16.50	
105	DTZ.118	Xin Thị Pả	17.05.1990	Nữ	Hà Giang	01	1	3.00	5.00	5.50	13.50	
106	DTZ.119	Lý Mùi Pháy	06.03.1990	Nữ	Hà Giang	01	1	3.00	7.50	6.50	17.00	
107	DTZ.120	Hoàng Mùi Phìn	06.11.1992	Nữ	Hà Giang	01	1	5.50	5.00	6.50	17.00	
108	DTZ.122	Vùi Văn Phong	11.01.1987	Nam	Hà Giang	01	1	2.75	6.00	5.75	14.50	
109	DTZ.121	Triệu Mùi Phối	22.09.1988	Nữ	Hà Giang	01	1	3.75	6.50	5.00	15.50	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng UT	Khu vực UT	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Ghi chú
110	DTZ.124	Nông Văn	Phú	26.08.1994	Nam	Hà Giang	01	1	3.25	4.00	5.75	13.00	
111	DTZ.123	Lò Đào	Phú	11.09.1981	Nam	Hà Giang	01	1	1.75	5.00	5.50	12.50	
112	DTZ.125	Lù Văn	Phúc	12.12.1979	Nam	Hà Giang	01	1	3.50	4.00	6.25	14.00	
113	DTZ.127	Hoàng Thị Thu	Phương	17.11.1987	Nữ	Hà Giang		1	7.25	4.00	8.50	20.00	
114	DTZ.126	Ma Thị	Phương	12.11.1980	Nữ	Hà Giang	01	1	2.25	5.50	6.00	14.00	
115	DTZ.130	Nguyễn Hoài	Quang	23.12.1967	Nam	Hà Giang		1	4.50	4.50	6.00	15.00	
116	DTZ.131	Sải Văn	Quyến	10.05.1993	Nam	Hà Giang	01	1	4.00	6.50	8.00	18.50	
117	DTZ.132	Vương Đức	Rương	05.12.1989	Nam	Hà Giang	01	1	3.75	6.50	5.75	16.00	
118	DTZ.135	Đặng Văn	Sấn	20.10.1987	Nam	Hà Giang	01	1	3.25	4.00	4.00	11.50	
119	DTZ.213	Lừ Văn	Sơn	15.11.1995	Nam	Hà Giang	01	1	2.25	5.00	6.00	13.50	
120	DTZ.138	Giàng Văn	Sơn	20.02.1976	Nam	Hà Giang	01	1	5.00	3.50	4.50	13.00	
121	DTZ.205	Đinh Quang	Sự	05.08.1993	Nam	Hà Giang	01	1	3.25	5.00	5.25	13.50	
122	DTZ.139	Thào Seo	Sự	17.05.1990	Nam	Hà Giang	01	1	1.25	5.00	5.75	12.00	
123	DTZ.143	Nguyễn Thị	Tám	24.05.1988	Nữ	Hà Giang	01	1	3.50	5.00	5.75	14.50	
124	DTZ.147	Phan Văn	Tạo	16.06.1978	Nam	Hà Giang	01	1	4.25	6.50	5.75	16.50	
125	DTZ.146	Dương Thị Thanh	Tâm	03.11.1986	Nữ	Hà Giang		1	5.50	6.50	5.75	18.00	
126	DTZ.206	Nguyễn Thanh	Tâm	20.08.1990	Nữ	Hà Giang	01	1	3.50	5.50	5.50	14.50	
127	DTZ.145	Hoàng Ngọc	Tâm	12.11.1992	Nam	Hà Giang	01	1	3.50	5.00	3.00	11.50	
128	DTZ.176	Triệu Tiến	Tình	21.11.1988	Nam	Hà Giang	01	1	3.50	5.50	8.50	17.50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng U.T	Khu vực U.T	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Ghi chú
129	DTZ.177	Trương Đức Tĩnh	11.02.1996	Nam	Hà Giang	01	1	2.50	3.00	7.75	13.50	
130	DTZ.175	Hầu Mí Tính	18.12.1985	Nam	Hà Giang	01	1	4.00	5.50	7.50	17.00	
131	DTZ.178	Hoàng Thị Tọa	08.11.1984	Nữ	Hà Giang	01	1	2.50	5.50	5.75	14.00	
132	DTZ.179	Dương Thị Toàn	09.07.1986	Nữ	Hà Giang	01	1	3.00	6.00	6.75	16.00	
133	DTZ.180	Hoàng Văn Toàn	17.02.1983	Nam	Hà Giang	01	1	2.75	6.00	5.50	14.50	
134	DTZ.188	Trần Thanh Tuấn	10.06.1984	Nam	Hà Giang		1	5.50	3.50	8.00	17.00	
135	DTZ.189	Lê Anh Tuấn	05.05.1982	Nam	Hà Giang		1	3.25	6.00	6.25	15.50	
136	DTZ.187	Nguyễn Thanh Tuấn	25.04.1983	Nam	Hà Giang	06	1	2.25	5.50	6.50	14.50	
137	DTZ.191	Bàn Hoàng Tùng	18.08.1993	Nam	Hà Giang	01	1	4.50	6.00	8.25	19.00	
138	DTZ.192	Đỗ Vi Tùng	27.02.1995	Nam	Hà Giang	01	1	5.25	5.50	7.25	18.00	
139	DTZ.190	Đặng Hà Tùng	26.04.1989	Nam	Hà Giang	01	1	3.25	6.50	5.25	15.00	
140	DTZ.193	Vương Đức Tuyên	10.03.1990	Nam	Hà Giang	01	1	5.00	6.00	9.00	20.00	
141	DTZ.194	Trương Văn Tỳ	10.06.1978	Nam	Hà Giang	01	1	2.75	5.00	5.25	13.00	
142	DTZ.148	Hoàng Văn Thái	14.08.1990	Nam	Hà Giang	01	1	3.50	7.50	5.25	16.50	
143	DTZ.152	Hù Văn Thanh	12.09.1970	Nam	Hà Giang	01	1	3.00	5.50	5.00	13.50	
144	DTZ.153	Lù Seo Thành	15.09.1984	Nam	Hà Giang	01	1	1.75	5.50	5.75	13.00	
145	DTZ.151	Nguyễn Văn Thắng	10.08.1983	Nam	Hà Giang		1	4.75	7.50	6.00	18.50	
146	DTZ.149	Lù Văn Thắng	20.09.1981	Nam	Hà Giang	01	1	2.50	5.50	5.25	13.50	
147	DTZ.154	Ma Thị Thế	20.11.1990	Nữ	Hà Giang	01	1	4.00	5.50	6.25	16.00	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng UT	Khu vực UT	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Ghi chú
148	DTZ.155	Bàn Thị Thêm	04.06.1988	Nữ	Hà Giang	01	1	2.25	5.00	4.50	12.00	
149	DTZ.158	Phùng Việt Thi	09.10.1991	Nam	Hà Giang	01	1	4.00	5.50	5.50	15.00	
150	DTZ.156	Sin Sáng Thi	03.05.1977	Nam	Hà Giang	01	1	2.50	5.00	6.50	14.00	
151	DTZ.159	Hoàng Thị Thiêm	08.01.1989	Nữ	Hà Giang	01	1	3.75	7.00	6.00	17.00	
152	DTZ.160	Mai Văn Thiên	07.08.1983	Nam	Hà Giang	01	1	2.25	6.50	5.50	14.50	
153	DTZ.162	Phùng Văn Thiện	20.10.1987	Nam	Hà Giang	01	1	2.25	4.00	6.25	12.50	
154	DTZ.163	Ly Seo Thiết	09.06.1986	Nam	Hà Giang	01	1	3.50	5.00	4.25	13.00	
155	DTZ.164	Ly Văn Thịnh	02.04.1991	Nam	Hà Giang	01	1	4.25	5.00	8.00	17.50	
156	DTZ.165	Hoàng Văn Thoát	19.02.1989	Nam	Hà Giang	01	1	2.25	6.50	6.00	15.00	
157	DTZ.168	Chín Văn Thu	02.11.1990	Nam	Hà Giang	01	1	3.00	5.50	6.50	15.00	
158	DTZ.166	Hoàng Thị Thu	05.08.1985	Nữ	Hà Giang	01	1	2.50	6.00	6.00	14.50	
159	DTZ.167	Lù Phát Thu	29.04.1985	Nam	Hà Giang	01	1	2.25	5.00	5.50	13.00	
160	DTZ.169	Dương Văn Thụ	18.12.1988	Nam	Hà Giang	01	1	3.00	6.50	8.00	17.50	
161	DTZ.171	Vũ Thị Thủy	02.05.1992	Nữ	Hà Giang		1	6.00	7.50	8.00	21.50	
162	DTZ.172	Lô Kim Thụy	30.03.1991	Nữ	Hà Giang	01	1	5.75	7.00	6.25	19.00	
163	DTZ.173	Vi Văn Thuyền	26.01.1981	Nam	Hà Giang	01	1	2.50	4.00	5.75	12.50	
164	DTZ.170	Hoàng Văn Thúc	25.09.1987	Nam	Hà Giang	01	1	5.25	7.50	8.50	21.50	
165	DTZ.204	Hoàng Ngọc Thương	04.09.1993	Nam	Hà Giang	01	1	5.50	5.50	8.00	19.00	
166	DTZ.207	Hoàng Văn Trọng	24.07.1985	Nam	Hà Giang	01	1	3.00	5.00	6.25	14.50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng UT	Khu vực UT	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Ghi chú
167	DTZ.183	Trần Quang Trung	02.10.1981	Nam	Hà Giang		1	3.50	5.50	6.50	15.50	
168	DTZ.182	Quách Trung Trục	14.10.1980	Nam	Hà Giang		1	2.75	5.50	8.25	16.50	
169	DTZ.184	Hoàng Văn Trường	07.12.1987	Nam	Hà Giang	01	1	5.25	7.50	6.00	19.00	
170	DTZ.185	Nguyễn Văn Trường	17.10.1989	Nam	Hà Giang	01	1	3.25	7.00	7.25	17.50	
171	DTZ.186	Nông Hữu Trường	01.10.1983	Nam	Hà Giang	01	1	2.25	4.50	6.00	13.00	
172	DTZ.208	Nguyễn Thị Uyên	10.09.1982	Nữ	Hà Giang	01	1	2.75	6.50	7.25	16.50	
173	DTZ.195	Hoàng Văn Vén	10.01.1990	Nam	Hà Giang	01	1	4.25	6.50	6.25	17.00	
174	DTZ.196	Lù Seo Viện	02.12.1989	Nam	Hà Giang	01	1	2.75	5.00	7.00	15.00	
175	DTZ.197	Hoàng Văn Việt	24.10.1984	Nam	Hà Giang	01	1	2.25	6.00	4.50	13.00	
176	DTZ.209	Lục Quốc Việt	09.08.1983	Nam	Hà Giang	01	1	2.50	7.00	3.25	13.00	
177	DTZ.198	Lý Chấn Vu	15.07.1981	Nam	Hà Giang	01	1	3.00	5.50	5.75	14.50	
178	DTZ.199	Vi Việt Vũ	12.06.1984	Nam	Hà Giang	01	1	3.25	7.50	8.00	19.00	
179	DTZ.200	Triệu Chàn Vui	26.11.1977	Nam	Hà Giang	01	1	2.50	3.50	5.50	11.50	
180	DTZ.201	Phùng Xuân Xín	07.12.1983	Nam	Hà Giang	01	1	1.50	5.50	5.25	12.50	
181	DTZ.202	Hoàng Thị Xuyến	13.03.1988	Nữ	Hà Giang	01	1	4.25	5.00	5.75	15.00	

Ấn định danh sách: 181 thí sinh

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 12 năm 2014

THÔNG BÁO

Về việc nhập học đối với thí sinh trúng tuyển đại học hệ vừa làm vừa học ngành Luật – Kỳ thi đợt tháng 10 năm 2014

Từ 8 giờ 00 ngày 13 tháng 12 năm 2014 đến hết ngày 21 tháng 12 năm 2014, thí sinh có mặt tại Phòng 114 - Trường Đại học Khoa học (địa chỉ: Phường Tân Thịnh – TP. Thái Nguyên; Điện thoại liên hệ: 0280.3904.319 - 0915.459.453) để làm thủ tục nhập học. Thủ tục nhập học bao gồm:

- 1- Học bạ THPT (hoặc THBT, THCN, THN).
- 2- Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc THBT, THCN, THN).
- 3- Giấy chứng minh nhân dân.
- 4- Giấy khai sinh.
- 5- Hồ sơ trúng tuyển có xác nhận của UBND xã (phường, thị trấn).
- 6- Giấy báo trúng tuyển đại học.
- 7- Tiền học phí phải nộp ngay khi nhập trường là: 4.100.000 đồng/1 học kỳ.
(Nếu nhà nước tăng mức học phí thì sinh viên sẽ nộp bổ sung trong quá trình học)
- 8- 06 ảnh cỡ 3x4 cm.

Ghi chú:

- 1. Trong quá trình thu nhận hồ sơ nhập học hoặc trong thời gian sinh viên đang theo học, nếu kiểm tra phát hiện hồ sơ ĐKDT khai không đúng sự thật hoặc có sai sót về kết quả thi của thí sinh thì sẽ xử lý theo Quy chế tuyển sinh.*
- 2. Các giấy tờ ở mục 1, 2, 3, 4 đều phải có bản chính để đối chiếu và một bản photocopy công chứng để nộp.*
- 3. Tập trung nghe phổ biến Quy chế đào tạo, kế hoạch học tập toàn khóa học lúc 8h00 ngày 21 tháng 12 năm 2014 tại Giảng đường M503 – Trường Đại học Khoa học; Thời gian học chính thức từ ngày 22 tháng 12 năm 2014, đề nghị các thí sinh đến đúng thời gian quy định trên.*